DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số: 3291 ***/QĐ-VPCNCL ngày*** 17 ***tháng 12 năm 2024***

của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm**

Laboratory: ***Testing department***

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị điện Hà Nội**

Organization: ***Hanoi Production Electrical Equipment Jsc.***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện - Điện tử**

Field of testing: ***Electrical - Electronic***

Người quản lý/ *Laboratory manager*: **Tạ Văn Hiển**

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 1173**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **Kể từ ngày** 17 **/12/2024 đến ngày 23/12/2029**

Địa chỉ/ *Address*:

Cụm công nghiệp Quất Động phần mở rộng, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội

Địa điểm/*Location:*

Cụm công nghiệp Quất Động phần mở rộng, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội

Điện thoại/ *Tel*: **0243 391 666**

E-mail: **thietbidienle@gmail.com** Website: **maybienaple.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1173

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Máy biến áp phân phối** ***Distribution transformer***	Đo điện trở cách điện *Measurement of insulation resitance*	R: (2 ~ 50) GΩ U: 2 500V	IEEE C57.152-2013
2.		Đo tỷ số biến áp và xác định tổ đấu dây *Measurement of voltage ratio and check phase displacement*	1 ~ 10 000	IEEE C57.152-2013
3.		Đo điện trở một chiều cuộn dây *Measurement of winding resistance*	1 μΩ ~ 1 999 Ω	IEEE C57.152-2013
4.		Thử điện áp cảm ứng tần số 100 Hz *Induced over voltage with stand test (100 Hz)*	Đến/*to* 800 V @100Hz	TCVN 6306-3:2006 (IEC 60076-3:2000)
5.		Thử điện áp tăng cao tần số 50 Hz *Separate source voltage with stand test (50 Hz)*	Đến/*to* 100 kV_{AC}	TCVN 6306-3:2006 (IEC 60076-3:2000)
6.		Đo tổn hao không tải và dòng điện không tải *Measurement of no-load loss and no-load current*	P: đến/*to* 10000 W I đến/*to* 10 A	TCVN 6306-1:2015 (IEC 60076-1:2011)
7.		Đo tổn thất có tải và điện áp ngắn mạch *Measurement of load loss and short-circuit voltage*	P: đến/*to* 10000 W U: đến/*to* 3000V	TCVN 6306-1:2015 (IEC 60076-1:2011)
8.		Thử độ tăng nhiệt *Temperature rise test*	S đến/*to* 2500 kVA	TCVN 6306-2:2006 (IEC 60076-2:1993)
9.		Đo độ ồn *Measurement of sound level*	(35 ~ 130) dBA (40 ~ 130) dBC	TCVN 6306-10:2018 (IEC 60076-10:2016)
10.		Thử xung sét *Lighning impulse test*	Đến/ *to* 400 kV $U_m \leq 36,5$ kV	TCVN 6306-3:2006 (IEC 60076-3:2000) IEEE C57.12.90-2021

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
11.	**Dầu cách điện** ***Insulating oil***	Thử điện áp đánh thủng dầu *Breakdown voltage test*	Đến/*to* 80 kV_{AC}	IEC 60156:2018

Chú thích/ *Note*:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnam National Standard;*
- IEEE: *Institute of Electrical and Electronics Engineers*
- IEC: *International Electrotechnical Commission*
- Trường hợp Phòng thử nghiệm cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Phòng thử nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Testing department that provides the product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*./.